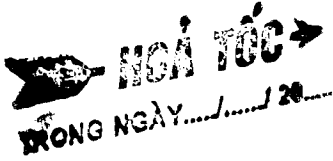


UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 877 /SNV-CCVC
Về việc báo cáo tình hình thực hiện
chính sách tiền lương.

Bắc Giang, ngày 11 tháng 8 năm 2017



Kính gửi:

- Các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các tổ chức Hội có chỉ tiêu biên chế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương tại Công văn số 2699/UBND-KGVX ngày 09/8/2017 về việc giao Sở Nội vụ chuẩn bị nội dung đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương từ năm 2004 đến nay để tham mưu xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện chính sách tiền lương, BHXH và ưu đãi người có công với cách mạng gửi Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Nội vụ.

Sở Nội vụ đề nghị các Sở, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thành phố (bao gồm các đơn vị sự nghiệp được phân cấp) và các tổ chức Hội có chỉ tiêu biên chế thực hiện báo cáo theo đề cương: Phần thứ nhất đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương từ năm 2004, Biểu số 1 và Biểu số 2.

Báo cáo của cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ gồm 01 bản giấy, gửi kèm theo 01 bản điện tử vào email: trangnm_snv@bacgiang.gov.vn trước ngày 17/8/2017 để tổng hợp báo cáo theo quy định./.

(Kèm theo có Công văn của UBND tỉnh và Đề cương báo cáo)

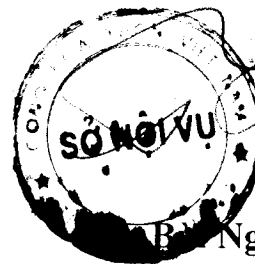
Nơi nhận:

- Lưu: VT, CCVC.

Bản điện tử:

- Như Kính gửi;
- Đ/c Thông Phó Giám đốc;
- Dongnq_snv; trangnm_snv.

GIÁM ĐỐC



B. Ngọc Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2699 /UBND-KGVX

Bắc Giang, ngày 09 tháng 8 năm 2017

V/v Tham mưu xây dựng dự thảo
Báo cáo tình hình thực hiện chính
sách tiền lương, BHXH và ưu đãi
người có công với cách mạng

Kính gửi:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Nội vụ;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Căn cứ Công văn số 818-CV/TU ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc xây dựng dự thảo Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Ánh Dương có ý kiến như sau:

1- Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Bảo hiểm xã hội tỉnh xây dựng dự thảo báo cáo tình hình thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công với cách mạng theo đề cương hướng dẫn nêu tại Công văn trên.

2- Giao Sở Nội vụ chuẩn bị nội dung đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương từ năm 2004 đến nay (*Phần thứ nhất - theo Đề cương gửi kèm*); gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20/8/2017.

3- Giao Bảo hiểm xã hội tỉnh chuẩn bị nội dung đánh giá thực trạng chính sách BHXH từ khi triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX đến nay (*Phần thứ hai - theo Đề cương gửi kèm*); gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 20/8/2017.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thành dự thảo báo cáo chung gửi Ban Cán sự đảng UBND tỉnh (*qua Văn phòng UBND tỉnh*) trước ngày 25/8/2017 để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy./.

(*Photo gửi kèm Công văn số 818-CV/TH của Tỉnh ủy và Công văn số 4078/BNV-TL của Bộ Nội vụ*)

(Công văn này thay thế Công văn số 2655/UBND-KGVX ngày 04/8/2017)

Nơi nhận: 

- Lưu: VT, KGVX.

Bán điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Lê Ánh Dương;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, NC.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Tuấn Phú

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội
và ưu đãi người có công
(kèm theo công văn số 4078/BNV-TL ngày 02 tháng 8 năm 2017)

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương từ năm 2004 đến nay

I. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

1. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo hợp đồng lao động và tiền lương đối với các đối tượng này tính đến ngày 31/12/2016 (theo mẫu gửi kèm).

2. Số lượng đơn vị sự nghiệp, chia theo các ngành: Y tế, giáo dục và đào tạo; lao động - thương binh và xã hội; văn hóa - thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và theo phân loại đơn vị sự nghiệp quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, cụ thể:

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;
- Số lượng đơn vị sự nghiệp công bảo đảm chi thường xuyên;
- Số lượng đơn vị sự nghiệp công bảo đảm một phần chi thường xuyên;
- Số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của từng ngành.

3. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố¹ và quỹ phụ cấp đối với các đối tượng này trong năm 2016 (trong đó nêu rõ quỹ Trung ương khoán và quỹ từ ngân sách địa phương).

II. Thực trạng chính sách tiền lương hiện hành (nêu rõ những bất cập, phân tích nguyên nhân)

1. Về tiền lương tối thiểu

☛ Đánh giá những mặt được, chưa được về mức lương cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức, so sánh tương quan với mức lương tối thiểu vùng trên địa bàn và tiền lương các đối tượng khác trong xã hội.

2. Về quan hệ tiền lương

☛ Đánh giá những mặt được, chưa được về quan hệ tiền lương hiện hành: Giữa cán bộ, công chức với lực lượng vũ trang; cán bộ, công chức với viên chức; cán bộ, công chức với doanh nghiệp; trong đó có doanh nghiệp nhà nước.

¹ Các chức danh quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về bảo vệ dân phố; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật dân quân tự vệ; Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

3. Hệ thống bảng lương

Đánh giá những mặt được, chưa được trong các bảng lương, mức lương theo ngạch, bậc, việc xếp lương, trả lương đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

4. Chế độ nâng ngạch, nâng bậc lương

Đánh giá những mặt được, chưa được trong tiêu chuẩn, điều kiện nâng ngạch, nâng lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

5. Chế độ phụ cấp lương:

- Đánh giá những mặt được, mặt hạn chế về các chế độ phụ cấp lương, mức hưởng và đối tượng hưởng phụ cấp, điều kiện áp dụng, cách chi trả.

- Đánh giá các chế độ phụ cấp tự quy định theo thẩm quyền (ngoài các chế độ phụ cấp nêu trên).

6. Về cơ chế quản lý và chi trả tiền lương

- Đánh giá cơ chế tiền lương (trong đó có việc tính đúng, tính đủ tiền lương vào giá (phí) dịch vụ).

- Đánh giá các nguồn kinh phí để trả lương và thu nhập đối với các đối tượng hưởng lương ngân sách nhà nước (các nguồn, tính ổn định, thường xuyên, tính bình quân trong phân phối, sự khác biệt khi sử dụng các nguồn...).

- Đánh giá những mặt được, mặt còn hạn chế về phạm vi, đối tượng áp dụng; điều kiện áp dụng và mức hưởng khi thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm, trong đó nêu rõ: Số người, mức hưởng, điều kiện áp dụng; Các nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (từ hệ số tiền lương tăng thêm; tăng thêm theo chế độ khoán, tự chủ; từ nguồn hợp pháp khác,...); Cách thức chi trả các khoản thu nhập tăng thêm (chi trả theo bình quân, theo phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, theo hệ số lương...).

7. Về các khoản thu nhập ngoài lương

- Đánh giá những mặt được, mặt hạn chế việc bổ sung thu nhập đối với cán bộ, công chức, người lao động từ nguồn kinh phí của đơn vị như: Tiền bồi dưỡng hợp, bồi dưỡng đối với người chủ trì hoặc tham gia đóng góp xây dựng văn bản, đề án, đề tài, làm thêm ngoài giờ, hỗ trợ ăn trưa,...

- Chế độ khen thưởng định kỳ, đột xuất đối với cán bộ, công chức gắn với hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lập theo quy định.

III. Đánh giá chung

IV. Kiến nghị, đề xuất

IV	Đối tượng hưởng lương trong các hội có tính chất đặc thù																				
1	Người hưởng lương trong chỉ tiêu biên chế như công chức, viên chức																				
2	Người hưởng chế độ thù lao theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg																				
3	Người hưởng chế độ do Hội tự quyết định																				
Tổng cộng (I+II+III+IV)																					

* Ghi chú:

- Cột (3): Ghi tổng số biên chế được giao năm 2016.
 - Cột (4): Ghi tổng số người trong danh sách trả lương tại thời điểm 31/12/2016 thuộc phạm vi quản lý.
 - Cột (5): Ghi quỹ tiền lương thực hiện chi trả cho tổng số người trong danh sách trả lương năm 2016;
- Cột (6) đến cột (23) "Quỹ phụ cấp lương" bao gồm các loại phụ cấp: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; Phụ cấp thâm niên vượt khung; Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; Phụ cấp khu vực; Phụ cấp đặc biệt; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp lưu động; Phụ cấp độc hại, nguy hiểm; Phụ cấp thâm niên nghề; Phụ cấp ưu đãi theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm công việc; Phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh; Phụ cấp đặc thù áp dụng đối với lực lượng vũ trang; Phụ cấp theo loại xã; Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; Phụ cấp công vụ, Phụ cấp Đảng, đoàn thể trong năm 2016.
- Cột (24): Tổng quỹ phụ cấp lương = tổng số tiền chi trả các chế độ phụ cấp lương từ cột (6) đến cột (23);
 - Cột (25): Ghi tổng số tiền chi trả thu nhập tăng thêm từ hệ số tiền lương tăng thêm theo các quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ của tổng số người trong danh sách trả lương năm 2016 thuộc phạm vi quản lý;
 - Cột (26): Ghi tổng số tiền chi trả thu nhập tăng thêm từ hệ số thu nhập tăng thêm do cơ quan, đơn vị thực hiện theo chế độ khoán, tự chủ)
 - Cột (27): Ghi tổng số tiền chi trả các khoản thu nhập khác (ngoài tiền lương, phụ cấp lương và thu nhập tăng thêm) năm 2016;
(Thu nhập khác do địa phương, cơ quan, đơn vị tự quy định từ các nguồn hợp pháp khác)
 - Cột (28): Ghi tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng góp theo quy định của pháp luật.
 - Cột (29): Tổng quỹ tiền lương, thu nhập = (5) + (24) + (25) + (26) + (27) + (28).

5	Thông tin và truyền thông																	
a)	Công chức trong đơn vị sự nghiệp																	
b)	Viên chức																	
c)	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt																	
d)	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP																	
6	Sự nghiệp kinh tế																	
a)	Công chức trong đơn vị sự nghiệp																	
b)	Viên chức																	
c)	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt																	
d)	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP																	
7	Sự nghiệp khác																	
a)	Công chức trong đơn vị sự nghiệp																	
b)	Viên chức																	
c)	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt																	
d)	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP																	
	Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7)																	

* Ghi chú:

- Cột (3): Ghi tổng số biên chế được giao năm 2016.
 - Cột (4): Ghi tổng số người trong danh sách trả lương tại thời điểm 31/12/2016 thuộc phạm vi quản lý.
 - Cột (5): Ghi quỹ tiền lương thực hiện chi trả cho tổng số người trong danh sách trả lương năm 2016;
- Cột (6) đến cột (23) "Quỹ phụ cấp lương" bao gồm các loại phụ cấp: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; Phụ cấp thâm niên vượt khung; Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; Phụ cấp khu vực; Phụ cấp đặc biệt; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp lưu động; Phụ cấp độc hại, nguy hiểm; Phụ cấp thâm niên nghề; Phụ cấp ưu đãi theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm công việc; Phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh; Phụ cấp đặc thù áp dụng đối với lực lượng vũ trang; Phụ cấp theo loại xã; Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; Phụ cấp công vụ, Phụ cấp Đảng, đoàn thể trong năm 2016.
- Cột (24): Tổng quỹ phụ cấp lương = tổng số tiền chi trả các chế độ phụ cấp lương từ cột (6) đến cột (23);
 - Cột (25): Ghi tổng số tiền chi trả thu nhập tăng thêm từ hệ số tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ của tổng số người trong danh sách trả lương năm 2016 thuộc phạm vi quản lý;
 - Cột (26): Ghi tổng số tiền chi trả thu nhập tăng thêm từ hệ số thu nhập tăng thêm do cơ quan, đơn vị thực hiện theo chế độ khoán, tự chủ;
 - Cột (27): Ghi tổng số tiền chi trả các khoản thu nhập khác (ngoài tiền lương, phụ cấp lương và thu nhập tăng thêm) năm 2016; (Thu nhập khác do địa phương, cơ quan, đơn vị tự quy định từ các nguồn hợp pháp khác)
 - Cột (28): Ghi tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng góp theo quy định của pháp luật.
 - Cột (29): Tổng quỹ tiền lương, thu nhập = (5) + (24) + (25) + (26) + (27) + (28).